

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 147/2010/TT-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2010

THÔNG TƯ

Sửa đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2601 tại Danh mục mức thuế suất của Biểu thuế xuất khẩu

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 710/2008/NQ-UBTVQH12 ngày 22/11/2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/08/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Sau khi tham khảo ý kiến của các Bộ, Hiệp hội có liên quan, Bộ Tài chính sửa đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu đối với một số mặt hàng thuộc nhóm 2601 tại Danh mục mức thuế suất của Biểu thuế xuất khẩu như sau:

Điều 1. Thuế suất thuế xuất khẩu.

Sửa đổi mức thuế suất thuế xuất khẩu đối với mặt hàng quặng sắt và tinh quặng sắt, kể cả pirit sắt đã nung thuộc nhóm 26.01 quy định tại Danh

mức mức thuế suất của Biểu thuế xuất khẩu ban hành kèm theo Thông tư số 216/2009/TT-BTC ngày 12/11/2009 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thuế suất của Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế, thành mức thuế suất thuế xuất khẩu mới như sau:

Mã số		Mô tả hàng hoá	Thuế suất (%)
26.01		Quặng sắt và tinh quặng sắt, kể cả pirit sắt đã nung	
		- Quặng sắt và tinh quặng sắt, trừ pirit sắt đã nung:	
2601	11 00 00	- - Chưa nung kết	30
2601	12 00 00	- - Đã nung kết	30
2601	20 00 00	- Pirit sắt đã nung	30

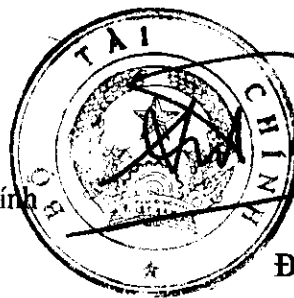
Điều 2. Hiệu lực thi hành.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký. *ky*

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- Viện kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ và Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn
Đỗ Hoàng Anh Tuấn